

Sách cấp 2



Việt Ngữ Ứng Dụng

1. Trang thiết bị cho lớp rất cần sự cập nhật hiện đại: bảng treo tường, máy tính kết nối các thiết bị: webcam, máy chiếu, máy đọc giấy chiếu lên bảng (máy ghi hình, máy viết trên bảng, bút lazer điều khiển).
2. Giáo viên đứng lớp: 1 giáo viên chính và 1 giáo viên trợ giảng

Sách Giáo Khoa Lớp Việt Ngữ

- Tài liệu được biên soạn có sự tham khảo một số giáo trình: Bảng tóm tắt học nhanh, hình ảnh theo chủ đề, các trung tâm Việt Ngữ tại Hoa Kỳ và Úc Châu, các bài luận văn hay và các bài đàm thoại thông dụng.
- Bộ sách giáo khoa gồm 3 cấp được chất lọc từ lớp 1 đến lớp 12 để làm bộ sách học cấp tốc cho các em nhỏ sinh trường và lớn lên tại nước ngoài.

Cấp 1: khoảng 8 buổi học (mỗi buổi 1 tiếng), 4 buổi học (mỗi buổi 2 tiếng)

1. Sách giáo khoa cấp 1 (tương đương trình độ từ lớp 1 đến lớp 5)

2. Sách từ vựng theo chủ đề

Mục tiêu đặt ra: rèn luyện 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết

1. Đọc được nhanh bảng tóm tắt học nhanh
2. Đọc được các bài văn trong sách cấp 1
3. Đọc được các từ vựng trong sách từ vựng theo chủ đề
4. Viết nộp ít nhất 4 bài văn trong sách cấp 1 để nộp cho giáo viên
5. Hát được các bài trong sách cấp 1 (có thể cầm sách)

Các học sinh đạt yêu cầu trên sẽ được cấp chứng chỉ cấp 1

Cấp 2: khoảng 8 buổi học (mỗi buổi 1 tiếng), 4 buổi học (mỗi buổi 2 tiếng)

1. Sách giáo khoa cấp 2 (tương đương trình độ từ lớp 6 đến lớp 9)

2. Sách từ vựng theo chủ đề

Mục tiêu đặt ra: rèn luyện 5 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết - giao tiếp

1. Đọc được các bài văn trong sách cấp 2
2. Đọc được các từ vựng trong sách từ vựng theo chủ đề
3. Viết nộp ít nhất 4 bài văn trong sách cấp 2 để nộp
4. Hát được các bài trong sách cấp 2 (có thể cầm sách)
5. Thực tập giao tiếp các bài đàm trong sách cấp 2

Các học sinh đạt yêu cầu trên sẽ được cấp chứng chỉ cấp 2

Cấp 3: khoảng 8 buổi học (mỗi buổi 1 tiếng), 4 buổi học (mỗi buổi 2 tiếng)

1. Sách giáo khoa cấp 3 (tương đương trình độ từ lớp 10 đến lớp 12)

2. Sách từ vựng theo chủ đề

Mục tiêu đặt ra: rèn luyện 5 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết - thuyết trình

1. Đọc được các bài luận văn trong sách cấp 3
2. Đọc được các từ vựng trong sách từ vựng theo chủ đề
3. Viết nộp ít nhất 4 bài luận văn trong sách cấp 3 để nộp
4. Hát được các bài trong sách cấp 3 (có thể cầm sách)
5. Thực tập chọn đề tài thuyết trình

Các học sinh đạt yêu cầu trên sẽ được cấp chứng chỉ cấp 3

*** Xin cảm ơn những người đã có công biên soạn trước và bộ sách nhỏ này là món quà hoàn toàn miễn phí cho các em ***

Mục lục

Bài 1: Tài Nguyên Nước Việt	04
Bài 2: Nước Tôi , Quê Hương Tôi	04
Bài 3: Thờ Kính Tổ Tiên	04
Bài 4: Đạo Đức Dân Tộc	05
Bài 5: Bản Phận Học Trò Đối Với Thầy, Cô	05
Bài 6: Cách Đối Xử Với Cha Mẹ	06
Bài đọc thêm LÒNG HIẾU THẢO	06
Bài 7: Tình Gia Tộc	06
Bài 8: Tục Lệ Tết	07
Bài 9: Tiếng Việt - Chữ Việt	07
Bài 10: Sự Lễ Phép	07
Bài 11: Có Học Phải Có Hạnh	08

Đàm thoại: Conversation

Bài học 1 – Bạn từ đâu tới?	09
Bài học 2 – Bạn có nói tiếng Việt không?	09
Bài học 3 – Tên bạn là gì?	09
Bài học 4 – Hỏi đường.	10
Bài học 5 – Tôi đói.	10
Bài học 6 – Định thời gian gặp nhau.	11
Bài học 7 – Khi nào bạn muốn đi?	11
Bài học 8 – Gọi thức ăn.	12
Bài học 9 – Giới thiệu một người bạn.	12
Bài học 10 – Hỏi địa điểm.	12
Bài học 11 – Những câu hỏi thông thường.	13

Phụ lục thêm: tham khảo

Chào hỏi – Greatings	13
Hội thoại thường gặp – General conversation	14
Các bài hát dân ca và quê hương	16

Bài 1: Tài Nguyên Nước Việt

Nước Việt Nam chạy dài từ Ải Nam Quan tới Mũi Cà Mau, dài hơn 2500 cây số. Đất nước ta không rộng, nhưng rừng núi Việt Nam có nhiều gỗ quý: lim, gụ, trắc... Trên dải đất này có nhiều quặng mỏ: mỏ đồng, mỏ sắt, mỏ kẽm, mỏ chì. Ngoài khơi biển Việt Nam có nhiều tôm cá, san hô, đồi mồi, và hiện nay trên biển cả còn có một nguồn lợi rất quý giá là dầu hoả.

Ven biển có nhiều hải cảng như: Hải Phòng, Đà Nẵng, Cam Ranh, Sài Gòn. Đồng bằng Sông Hồng miền Bắc và đồng bằng Sông Cửu Long miền Nam rất màu mỡ, lúa ngô, khoai sắn, hoa trái tốt tươi.

Đất nước ta có nhiều cảnh đẹp như Vịnh Hạ Long, Đèo Hải Vân, Đà Lạt, Hà Tiên, Vũng Tàu... Lại có nhiều di tích lịch sử như Sông Bạch Đằng, Thành Cổ Loa, Chùa Một Cột, Hồ Hoàn Kiếm, Tháp Rùa, các cung điện và lăng vua nhà Nguyễn tại thành phố Huế.

Tất cả tô điểm nên một giang san gấm vóc, chứng tỏ dân Việt Nam đã có một nền văn hoá tươi đẹp, rực rỡ tự lâu đời. Đó là niềm kiêu hãnh của toàn thể dân Việt Nam.

Bài 2: Nước Tôi , Quê Hương Tôi

Việt Nam quê hương tôi nằm bên bờ Thái Bình Dương, thuộc vùng Đông Nam Á. Đất nước tôi có ba miền thân yêu Bắc, Trung, Nam.

Miền Bắc có núi rừng hùng vĩ, có Vịnh Hạ Long với hang động thiên nhiên tuyệt tác, có những di tích lịch sử ngàn đời từ thời Hùng Vương dựng nước; còn có dòng Sông Hát giữ mãi tinh thần bất khuất của hai vị anh thư nước Việt Trưng Trắc và Trưng Nhị.

Miền Trung, miền Sông Hương Núi Ngự, có Cầu Trường Tiền mười hai nhịp, với những cô gái tóc thè nghiêng che vành nón bài thơ, cũng có những lâu đài cung điện cổ xưa, có tiếng chuông Chùa Thiên Mụ ngân vang trong buổi hoàng hôn.

Miền Nam sông nước bao la, dòng Cửu Long chở đầy phù sa cho ruộng đồng bát ngát phì nhiêu, cây trái tốt tươi, cá chở đầy thuyền, tài nguyên phong phú. Lại có Biển Hà Tiên thơ mộng, có Hòn Ngọc Viễn Đông (Sài Gòn) nổi tiếng khắp năm châu.

Quê hương tôi giang san gấm vóc ngàn đời mãi ghi sâu trong lòng người Việt tha hương, luôn hy vọng ngày trở lại cố hương.

Bài 3: Thờ Kính Tổ Tiên

Người Việt Nam đa số theo đạo ông bà, lấy sự thờ cúng tổ tiên làm trọng, vì họ nhớ đến công ơn sinh thành, dưỡng dục của tiền nhân.

Vào ngày lễ giỗ, con cháu trong dòng họ tề tựu đông đủ ở bàn thờ từ đường, cùng nhau ôn lại thân thế, sự nghiệp của gia tiên. Sau đó, mỗi người trong thân tộc thành kính đến trước bàn thờ thắp hương cúng bái tổ tiên. Khi lễ xong, gia đình thường ngồi lại với nhau trong một bữa ăn thân mật.

Sự thờ cúng ông bà đối với người Việt là để nói lên tấm lòng biết ơn của con cháu đối với ông bà khi đã qua đời.

Ngày giỗ hàng năm còn là ngày họp mặt gia tộc và dòng họ, để nhắc nhở con cháu đừng quên đi nguồn cội, và để thắt chặt tình thân thiết đậm đà giữa họ hàng và bà con.

*Con người có tổ, có tông;
Như cây có cội, như sông có nguồn.*

Bài 4: Đạo Đức Dân Tộc

Đất nước Việt Nam có hơn 4,000 năm văn hiến. Trong suốt chuỗi dài lịch sử, dân tộc ta đã hun đúc được một nền đạo đức vững chãi. Đạo đức dân tộc dạy chúng ta phải luôn luôn nhớ đến cội nguồn, tôn kính ông bà, hiếu thảo với cha mẹ, quý trọng thầy cô, chung thủy trong đạo vợ chồng, yêu thương đùm bọc, nâng đỡ trong tình anh em, thật thà trong tình bè bạn.

Ngoài xã hội, đạo đức dân tộc dạy chúng ta tôn trọng công bình, quý chuộng nhân ái, bình vực kẻ khốn cùng, sống ngay thẳng, trong sạch, biết liêm chính, biết sĩ diện.

Tóm lại, đạo đức dân tộc dạy chúng ta ĐẠO LÀM NGƯỜI, nhắc nhở chúng ta luôn trau dồi nhân cách, để sống sao cho xứng đáng là một con người có giá trị đối với xã hội.

Bài 5: Bổn Phận Học Trò Đối Với Thầy, Cô

Trường học là môi trường học tập chính yếu, trong đó thầy giáo và cô giáo là những người có nhiệm vụ dạy dỗ ta, truyền đạt những kiến thức cần thiết để cho ta được nên người.

Thời gian học tập tại nhà trường kéo dài từ Lớp Mẫu Giáo đến hết Lớp 12; sau đó muốn có bằng cấp chuyên môn, ta cần phải học thêm nhiều năm nữa trên Đại Học.

Chưa bao giờ sự học lại trở nên quan trọng như bây giờ. Hầu hết mọi công ăn, việc làm đều đòi hỏi bằng cấp, chứng chỉ từ nhà trường. Sự học càng quan trọng thì vai trò của Thầy, Cô giáo càng quan trọng hơn. Vì thế, là học sinh, ta có bổn phận phải vâng lời, kính trọng và biết ơn Thầy, Cô. Các vị giáo chức là những người có công đào tạo ta nên người hữu dụng cho xã hội, gia đình và cho chính bản thân mình.

Ở trong lớp, trong lúc Thầy, Cô đang giảng bài, ta phải chăm chú theo dõi để thu thập kiến thức cho mình. Ta không nên nói chuyện ồn ào làm Thầy, Cô mất thì giờ, mất công sức giảng dạy. Khi ra đường gặp Thầy, Cô ta nên chào hỏi để tỏ lòng kính trọng và để tỏ ra là người có lễ độ.

Người Việt Nam rất coi trọng học vấn và rất mong con mình đỗ đạt, nên người Việt thường rất quý Thầy, Cô giáo, nên có các câu tục ngữ:

*Không thầy đố mày làm nên.
Muốn con hay chữ phải yêu mến thầy.*

Bài 6: Cách Đối Xử Với Cha Mẹ

Dân tộc Á Đông, đặc biệt là người Việt Nam nặng lòng ân nghĩa, luôn lấy hiếu đạo làm nền tảng. Nên cách con cháu đối đãi với cha mẹ khác với người Âu Mỹ.

Khi còn nhỏ, con cái được cha mẹ nuôi nấng, dạy dỗ; đáp lại, con cái luôn luôn vâng lời cha mẹ. Lúc con cái trưởng thành đầy đủ khôn ngoan, cha mẹ để cho chúng tự lập. Nhưng cha mẹ vẫn ở bên cạnh sẵn sàng nâng đỡ, nếu con cái vấp ngã.

Vậy con cái phải có bổn phận đối với cha mẹ như thế nào? Để đền đáp công ơn trời biển ấy, con cái phải tỏ ra mình là con ngoan, luôn vâng lời cha mẹ; tôn kính, yêu mến và phụng dưỡng lúc cha mẹ già yếu, nhất là khi bệnh hoạn, đau ốm, đừng bao giờ làm buồn lòng cha mẹ.

Ở độ tuổi các em, cách tốt nhất để tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ là cố gắng học hành, nói năng lễ độ, giúp đỡ cha mẹ. Làm được ba điều căn bản đó là em đã báo hiếu cho cha mẹ rồi.

Bài đọc thêm LÒNG HIẾU THẢO

Cha mẹ là người sinh ra ta, lo lắng chăm sóc, yêu thương, nuôi dạy ta nên người. Tất cả cuộc đời và tình thương yêu của cha mẹ chỉ để dành cho ta. Cha mẹ luôn sẵn sàng hy sinh cả cuộc đời mình cho con cái. Nếu phải rầy la ta, thì đó là răn dạy cho ta nên người. Nên công ơn cha mẹ thực không bút mực nào tả xiết.

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Để đền đáp lại công ơn trời biển và sự hy sinh cao cả của cha mẹ, ta phải luôn tỏ lòng hiếu thảo với các ngài. Vậy hiếu thảo là gì? Hiếu thảo là kính trọng, mến yêu cha mẹ, vâng lời dạy bảo của các Người.

Khi còn nhỏ ở chung với cha mẹ, nhất là độ tuổi của các em cần phải chăm lo, cố gắng học hành để cha mẹ được vui lòng. Ngoài việc học hành, những lúc rảnh rỗi hay những ngày nghỉ học, ta phải giúp đỡ việc nhà như: quét nhà, rửa chén, xếp quần áo v.v... để đỡ đần cho cha mẹ.

Đó là những cách thức mà ta tỏ ra mình là đứa con rất hiếu thảo với cha mẹ.

Bài 7: Tình Gia Tộc

Người Việt Nam thường lấy gia đình làm gốc. Trên có ông bà, cha mẹ, dưới là con cháu. Mối liên hệ mật thiết giữa các gia đình cùng một tổ tiên là tình gia tộc.

Người Việt rất quý tình gia tộc. Họ thường sống chung trong một mái ấm gia đình. Dù con cái trưởng thành có gia đình riêng, nhưng họ vẫn sống chung trong một đại gia đình; nếu phải tách ra họ cũng tìm cách sống gần gũi với ông bà cha mẹ.

“Một con ngựa đau, cả tâu không ăn cỏ”

Tình gia tộc như một sợi dây vô hình ràng buộc những người trong dòng họ như: cô, chú, bác và anh chị em họ luôn yêu thương, gắn bó nhau và thích sống quây quần bên nhau. Vui cùng hưởng, buồn cùng nhau chia sẻ.

Bài 8: Tục Lệ Tết

Tết Việt Nam có rất nhiều tục lệ, nhưng có một số tục lệ mà người Việt Nam dù ở đâu vẫn giữ gìn và trân quý như: Tục "lễ Tết" là dịp để gia đình sum họp, vui vầy. Tất cả mọi người thân yêu trong gia đình, dù đi xa cũng phải vội vã về cho kịp ngày Tết.

Ngày Mồng Một làm lễ bàn thờ Tổ tiên xong, sau đó con cháu đến lạy mừng lễ Tết, còn gọi là mừng tuổi, ông bà, cha mẹ, cô, chú, bác. Ngược lại, các cụ cũng chúc con cháu những điều tốt lành và kèm theo một phong bì màu đỏ gọi là lì xì (đồng các em cái gì trong đó). Biếu, tặng quà Tết là dịp để trả ơn những người đã giúp đỡ mình hay tỏ lòng kính trọng người trên hoặc bạn bè thân thiết. Thường thì:

*Học trò biếu Tết thầy cô,
Con bệnh biếu Tết thầy thuốc,
Bạn bè biếu Tết lẫn nhau.*

Lại còn thêm tục lệ chúc Tết cho bạn bè, hàng xóm. Người ta đến nhà để cầu chúc mọi người, mọi gia đình phát tài, sống lâu và hạnh phúc.

Bài 9: Tiếng Việt - Chữ Việt

Tiếng nói của người Việt là tiếng Việt, được dùng cho cả ba miền: Nam, Trung, Bắc và các dân tộc thiểu số. Tuy âm thanh của tiếng nói có phần khác biệt, dân chúng ba miền vẫn có khả năng hiểu lẫn nhau.

Về chữ viết, trong thời kỳ ngàn năm bị Tàu đô hộ, người Việt nói tiếng Việt, nhưng viết chữ Hán. Giai đoạn này, chữ Hán là ngôn ngữ chính ở Việt Nam.

Sau khi chuyển qua các đời vua Việt Nam, các học giả người Việt đã biến đổi từ chữ Hán qua chữ Nôm.

Trong thời Pháp thuộc, chữ viết chính dùng trong nước Việt là chữ Pháp. Vào thế kỷ 16, một số linh mục thừa sai người Pháp và Bồ Đào Nha dùng mẫu tự Latin phát minh ra chữ Quốc Ngữ.

Quốc Ngữ được bảo tồn và phát triển phong phú hơn, đó là bản phận của người dân Việt. Học giả Phạm Quỳnh dạy chúng ta, ***“Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, thì nước ta còn”***.

Bài 10: Sự Lễ Phép

Lễ phép là một trong những phẩm cách mà mọi người cần phải có trong quan hệ với người khác, nhất là đối với người lớn tuổi, hay địa vị xã hội cao hơn mình.

Lễ phép là kính trọng người đối diện với mình, bao gồm: lời ăn tiếng nói, cử chỉ, thái độ cư xử. Lễ phép giúp cho việc quan hệ giữa người với người được gần gũi hơn, dễ thân thiện hơn. Lễ phép cần cho con người như dầu nhớt cần cho xe hơi vậy.

Đối với người Việt Nam, lịch sự lễ phép là đức tính hàng đầu, nên có câu " Tiên học lễ, hậu học văn " nghĩa là trước khi học chữ, cần phải học làm người.

Do đó, một người dù học cao mà không có lịch sự, lễ phép cũng bị người đời xem thường, chê cười; ngược lại một người không được đến trường nhưng có lịch sự, biết lễ phép vẫn được mọi người quý mến.

Lễ phép không phải tự nhiên mà có, đó là kết quả của sự giáo huấn của gia đình, là công lao dạy dỗ của cha mẹ và sự giáo dục nơi học đường.

*Người thanh nói tiếng cũng thanh
Chuông kêu khẽ đánh bên thành cũng kêu.*

Bài 11: Có Học Phải Có Hạnh

Trong xã hội hiện nay, việc giáo dục tại các trường học được coi là rất quan trọng. Hầu hết các quốc gia tân tiến đều cưỡng bách giáo dục bắt buộc phải đến trường cho đến năm 14 tuổi. Rất nhiều ngành nghề trong xã hội đòi hỏi bằng cấp, chứng chỉ thuộc lãnh vực chuyên môn của ngành nghề đó. Do đó việc học hành không chỉ để mở mang trí tuệ mà còn là điều kiện cần thiết để có được công ăn, việc làm để nuôi sống bản thân và ổn định xã hội.

Một quốc gia phát triển mạnh mẽ, nhờ vào những bộ óc tài giỏi. Trong xã hội, ai cũng quý những người có tài, học cao, hiểu rộng; nên hầu hết mọi người chạy đua theo việc học, muốn cho mình có mảnh bằng thật cao, mà quên đi một điều rất quan trọng không kém tài năng, đó là đạo đức. Người gồm đủ tài đức ai cũng quý mến. Đức hạnh gồm: Thương người, tự trọng, lễ độ, thật thà và siêng năng...

Tóm lại: Tài năng rất cần thiết cho sự phát triển xã hội, nhưng thiếu đức hạnh cũng không thể trở nên một người tốt toàn vẹn.

*Hoa thơm ai chẳng nâng niu
Người khôn ai chẳng kính yêu mọi bề.*

Đàm thoại: Conversation

Bài học 1 – Bạn từ đâu tới?

- Tuấn Xin chào. Hello.
Lan Xin chào. Hi.
Tuấn Bạn khỏe không? How are you?
Lan Tôi khỏe. Bạn khỏe không? I'm good. How are you?
Tuấn Khỏe. Bạn có nói tiếng Việt không? Good. Do you speak Vietnamese?
Lan Một chút. Bạn là người Việt hả? A little. Are you Vietnamese?
Tuấn Vâng. Yes.
Lan Bạn từ đâu tới? Where are you from?
Tuấn Tôi từ California. I'm from California.
Lan Rất vui được gặp bạn. Nice to meet you.
Tuấn Ôi cũng rất vui được gặp bạn. Nice to meet you too.

Bài học 2 – Bạn có nói tiếng Việt không?

- Mai Xin lỗi, bạn là người Việt phải không? Excuse me, are you Vietnamese?
Toàn Không. No.
Mai Bạn có nói tiếng Việt không? Do you speak Vietnamese?
Toàn Một chút, nhưng không giỏi lắm. A little, but not very well.
Mai Bạn ở đây bao lâu rồi? How long have you been here?
Toàn Hai tháng. 2 months.
Mai Bạn làm nghề gì? What do you do for work?
Toàn Tôi là một học sinh. Còn bạn? I'm a student. How about you?
Mai Tôi cũng là một học sinh. I'm a student too.

Bài học 3 – Tên bạn là gì?

- Hoàng Xin lỗi, bạn tên là gì? Excuse me, what's your name?
Tuyết Tên tôi là Tuyết. Còn tên của bạn? My name is Tuyết. What's yours?
Hoàng Hoàng. Hoàng.
Tuyết Bạn nói tiếng Việt rất giỏi. You speak Vietnamese very well.
Hoàng Cảm ơn. Thank you.
Tuyết Bạn biết bây giờ là mấy giờ không? Do you know what time it is?
Hoàng Chắc rồi. Bây giờ là 5:10 chiều. Sure. It's 5:10PM.
Tuyết Bạn nói gì? What did you say?
Hoàng Tôi nói bây giờ là 5:10 chiều. I said it's 5:10PM.
Tuyết Cảm ơn. Thanks
Hoàng Không có gì. You're welcome.

Bài học 4 – Hỏi đường.

- Thủy Chào Minh. Hi Minh.
Minh Chào Thủy. Có chuyện gì vậy? Hi Thủy. What's up?
Thủy Tôi đang tìm phi trường. Bạn có thể nói cho tôi biết làm cách nào đến đó được không? I'm looking for the airport. Can you tell me how to get there?
Minh Không, rất tiếc. Tôi không biết. No, sorry. I don't know.
Thủy Tôi nghĩ tôi có thể đi xe điện ngầm để tới phi trường. Bạn có biết đường xe điện ngầm ở đâu không? I think I can take the subway to the airport. Do you know where the subway is?
Minh Chắc rồi. Nó ở đằng kia. Sure, it's over there.
Thủy Ở đâu? Tôi không thấy nó. Where? I don't see it.
Minh Phía bên kia đường. Across the street.
Thủy Ô, bây giờ tôi thấy rồi. Cảm ơn. Oh, I see it now. Thanks.
Minh Không có gì. No problem.
Thủy Bạn biết có nhà vệ sinh nào quanh đây không? Do you know if there's a restroom around here?
Minh Vâng. Có một cái ở đây. Nó ở trong cửa hàng. Yes, there's one here. It's in the store.
Thủy Cảm ơn. Thank you.
Minh Tạm biệt. Bye.
Thủy Tạm biệt. Bye bye.

Bài học 5 – Tôi đói.

- Thành Chào Sương, bạn khỏe không? Hi Sương, how are you?
Sương Khỏe, bạn thế nào? Fine, how are you doing?
Thành Được. OK.
Sương Bạn muốn làm gì? What do you want to do?
Thành Tôi đói. Tôi muốn ăn thứ gì đó. I'm hungry. I'd like to eat something.
Sương Bạn muốn đi đâu? Where do you want to go?
Thành Tôi muốn đi tới một nhà hàng Ý. I'd like to go to an Italian restaurant.
Sương Bạn thích loại món ăn Ý nào? What kind of Italian food do you like?
Thành Tôi thích spaghetti. Bạn có thích spaghetti không? I like spaghetti. Do you like spaghetti?
Sương Không, tôi không thích, nhưng tôi thích pizza. No, I don't, but I like pizza.

Bài học 6 – Định thời gian gặp nhau.

- Tuấn Hằng, bạn có muốn ăn tối với tôi không?
Hằng, would you like to have dinner with me?
- Hằng Vâng, tốt lắm. Bạn muốn đi khi nào? Yes. That would be nice. When do you want to go?
- Tuấn Hôm nay được không? Is today OK?
- Hằng Rất tiếc, tôi không thể đi hôm nay. Sorry, I can't go today.
- Tuấn Tối mai thì sao? How about tomorrow night?
- Hằng Được, mấy giờ? Ok. What time?
- Tuấn 9 giờ tối được không? Is 9:00PM all right?
- Hằng Tôi nghĩ như vậy trễ quá. I think that's too late.
- Tuấn 6 giờ chiều được không? Is 6:00PM OK?
- Hằng Tốt rồi. Bạn muốn đi đâu? Yes, that's good. Where would you like to go?
- Tuấn Nhà hàng Ý trên đường số 5. The Italian restaurant on 5th street.
- HằngỒ, tôi không thích nhà hàng đó. Tôi không muốn đi tới đó.
Oh, I don't like that Restaurant. I don't want to go there.
- Tuấn Vâng nhà hàng Hàn Quốc cạnh đó thì sao?
How about the Korean restaurant next to it?
- Hằng Được, tôi thích nơi đó. OK, I like that place

Bài học 7 – Khi nào bạn muốn đi?

- Mai Chào Tuấn. Hi Tuấn.
- Tuấn Chào. Hi.
- Mai Bạn dự tính làm gì hôm nay? What are you planning to do today?
- Tuấn Tôi chưa biết chắc. I'm not sure yet.
- Mai Bạn muốn ăn trưa với tôi không? Would you like to have lunch with me?
- Tuấn Vâng, khi nào? Yes. When?
- Mai 11:30 sáng được không? Is 11:30AM OK?
- Tuấn Xin lỗi tôi không nghe rõ. Bạn nói lại được không?
Sorry, I didn't hear you. Can you say that again please?
- Mai Tôi nói là 11:30 sáng. I said, 11:30AM.
- TuấnỒ, khi đó tôi bận. Chúng ta có thể gặp nhau trễ hơn một chút được không?
Oh, I'm busy then. Can we meet a little later?
- Mai Được, 12:30 trưa thì sao? OK, how about 12:30PM?
- Tuấn Được, ở đâu? OK. Where?
- Mai Nhà hàng Sài Gòn thì sao? How about Sài Gòn Restaurant?
- Tuấn Được. Nó ở đâu? Oh, Where is that?
- Mai Nó ở trên đường số 7. It's on 7th Street.
- Tuấn Được, tôi sẽ gặp bạn ở đó. OK, I'll meet you there.

Bài học 8 – Gọi thức ăn.

- Minh Xin chào ông, chào mừng đến với nhà hàng Phở. Bao nhiêu người?
Hello sir, welcome to the Phở Restaurant. How many?
- Tuấn Một. One.
- Minh Ngay lối này. Xin mời ông ngồi. Một lúc nữa cô phục vụ sẽ tiếp ông.
Right this way. Please have a seat. Your Người phục vụ will be with you in a moment.
- Phục vụ Xin chào ông, ông muốn gọi món ăn bây giờ không?
Hello sir, would you like to order now?
- Tuấn Vâng, làm ơn. Yes please.
- Phục vụ Ông muốn uống gì? What would you like to drink?
- Tuấn Cô có những thức uống gì? What do you have?
- Phục vụ Chúng tôi có nước đóng chai, nước trái cây, và cô ca. We have bottled water, juice, and Coke.
- Tuấn Làm ơn cho tôi một chai nước. I'll have a bottle of water please.
- Phục vụ Ông muốn dùng món gì? What would you like to eat?
- Tuấn Tôi sẽ dùng một chén súp rau. I'll have a bowl of vegetable soup.

Bài học 9 – Giới thiệu một người bạn.

- Minh Toàn, đây là bạn tôi, bà Lan. Toàn, this is my friend, Lan.
- Toàn Chào, rất vui gặp bạn. Hi, Nice to meet you.
- Lan Cũng rất vui gặp bạn. Nice to meet you too.
- Toàn Lan, bạn làm nghề gì? Lan, what do you do for work?
- Lan Tôi là bác sĩ. I'm a doctor.
- Toàn Ô, bạn làm việc ở đâu? Oh. Where do you work?
- Lan Bệnh viện Orlando ở tiểu bang Florida. Bạn làm nghề gì?
Orlando hospital in Florida. What do you do?
- Toàn Tôi là thầy giáo. I'm a teacher.
- Lan Bạn dạy môn gì? What do you teach?
- Toàn Tôi dạy tiếng Việt. I teach Vietnamese.
- Lan Ở đâu? Where?
- Toàn Tại lớp công đồng việt ngữ. At a Vietnamese community class.
- Lan Thực là tốt. Bạn bao nhiêu tuổi? That's nice. How old are you?
- Toàn Tôi 32. I'm 32.

Bài học 10 – Hỏi địa điểm.

- Hoàng Xin lỗi, tôi đang tìm Little Sài Gòn. Bạn biết nó ở đâu không?
Excuse me, I'm looking for the Little Sài Gòn. Do you know where it is?
- Tuyết Chắc rồi. Nó ở dưới con đường này phía bên trái. Sure. It's down this street on the left.
- Hoàng Nó có xa đây không? Is it far from here?

Tuyết Không, không xa đâu. No, it's not far.
 Hoàng Bao xa? How far is it?
 Tuyết Khoảng một dặm rưỡi. About a mile and a half.
 Hoàng Mất bao lâu để tới đó? How long does it take to get there?
 Tuyết Khoảng năm phút. 5 minutes or so.
 Hoàng Nó có gần đường xe điện ngầm không? Is it close to the subway station?
 Tuyết Vâng rất gần. Nhà ga xe điện ngầm ở bên cạnh khách sạn. Bạn có thể đi bộ tới đó.
 Yes, it's very close. The subway station is next to the hotel. You can walk there.
 Hoàng Cảm ơn rất nhiều. Thanks a lot.

Bài học 11 – Những câu hỏi thông thường.

Lan Minh, bạn biết nói tiếng Việt không? Minh, do you know how to speak Vietnamese?
 Minh Có. Yes.
 Lan Bạn đã học ở đâu? Where did you learn?
 Minh Tôi học ở lớp việt ngữ. I learned in Vietnamese class.
 Lan Bạn nói giỏi lắm. You speak really well.
 Minh Cảm ơn. Thank you.
 Lan Trước đây bạn có tới Orlando chưa? Have you been to Orlando before?
 Minh Chưa, tôi chưa bao giờ tới đó. No. I've never been there.
 Lan Bạn đã từng tới Jacksonville chưa? Have you ever been to Jacksonville?
 Minh Có. Tôi đã tới đó một lần khi đi nghỉ hè. Yes. I went there once on a holiday.

Phụ lục thêm: tham khảo

Chào hỏi – Greetings

01. Xin chào – Hello
02. Bạn có khỏe không? – How are you?
03. Cảm ơn, tôi khỏe. – I'm fine, thanks.
04. Cảm ơn, tôi không khỏe. – I'm not well, thanks.
05. Bạn tên là gì? – What's is your name?
06. Tên của tôi là... – My name is...
07. Hẹn gặp lại. – See you later.
08. Tạm biệt. – Goodbye
09. Rất vui được gặp bạn. – Nice to meet you.
10. Thế còn bạn? – What about you?
11. Chúc may mắn. – Good luck.
12. Bảo trọng. – Take care.
13. Được một lúc rồi đấy. – It's been a while.
14. Bạn có nói được tiếng anh không? – Can you speak English?
15. Tôi có thể nói được một chút tiếng Việt. – I can speak a little Vietnamese.
16. Tôi không thể nói tiếng Việt. – I can't speak Vietnamese.

17. Tôi đến từ (đất nước). – I'm from (country)
18. Bạn bao nhiêu tuổi? – How old are you?
19. Tôi ... tuổi. – I'm ... years old.

Hội thoại thường gặp – General conversation

01. Vâng. – Yes
02. Không. No
03. Bạn có hiểu không? – Do you understand?
04. Tôi không hiểu. – I don't understand.
05. Tôi hiểu. – I understand.
06. Cám ơn. – Thank you.
07. Làm ơn. – Please
08. Tôi xin lỗi. – I'm sorry (Apologize)
09. Làm ơn nói lại lần nữa? – Please say that again?
10. Bạn có thể nói chậm lại không? – Can you speak slowly?
11. Không, cám ơn. – No, thank you.
12. Xin chúc mừng! – Congratulations!
13. Tôi lấy làm tiếc (Sympathy)
14. Không sao đâu, tôi ổn. – It's alright, I'm ok.
15. Tôi không biết. – I don't know.
16. Tôi không thích nó. – I don't like it.
17. Tôi thích nó. – I like it.
18. Không có gì. – You're welcome.
19. Tôi hiểu là ... - I understand that ...
20. Tôi nghĩ là ... - I think that ...
21. Tôi muốn ... - I would like / I want ...
22. Tôi thích ... - I like ...
23. Làm ơn cho tôi mượn điện thoại của bạn được không? – May I use your phone?
24. Bạn có chắc không? – Are you sure?
25. Bạn có nói được tiếng Anh không? – can you speak English?
26. Nó nghĩa là gì? – What does this mean?
27. Không, cám ơn. No, Thanks!
28. Không, vậy là sai rồi. – No, that's wrong.
29. Đúng rồi. – That's right.
30. Không có gì. – No problem.
31. Cứu! – Help!
32. Ai? – Who?
33. Cái gì? – What?
34. Bao nhiêu? – How many?
35. Bao nhiêu tiền? – How much?
36. Tại sao? – Why?
37. Tại sao không? – Why not?
38. Cái nào? – Which?

39. Ở đâu? – Where?
40. Khi nào? When?
41. Bạn sinh ngày nào? – When is your Birthday?
42. Bạn đang làm gì? – What are you doing?
43. Bạn đang đi đâu? – Where are you going?
44. Tôi đang đi ... - I'm going to ...
45. Đây là cái gì? – What's this?
46. Bạn có chắc chắn không? – Are you confident?
47. Đừng quên ... - Don't forget ...
48. Xin lỗi. – Excuse me.
49. Giữ gìn sức khỏe. – Take care of yourself.
50. Bạn đánh vần nó như thế nào? – How do you pronounce this?
51. Bạn có thể viết cho tôi phiên âm bằng tiếng Việt không? – Could you write that down for me in Vietnamese Character?
52. Bạn sống ở đây à? – Do you live here?
53. Bạn thích ở đây không? – Do you like it here?
54. Tôi yêu nơi này. – I love it here.
55. Tôi ở đây trong ngày nghỉ. – I'm here on holiday.
56. Trong công tác. – on business.
57. Học – to study
58. Chỉ đùa thôi. – Just kiddings!
59. Đây là lần đầu tiên tôi đến Việt Nam. – This is my first in Viet Nam.
60. Chúng tôi đang trong tuần trăng mật. – We're on our honeymoon.
61. Nhà vệ sinh ở đâu? – Where is toilet?
62. Trước – before
63. Sau khi – after
64. Cho đến – until
65. Tôi muốn đi mua sắm trước khi đi xem phim. – I want to go shopping before watching the movie.
66. Tôi sẽ đi xem phim sau khi đi mua sắm. – I'll watch a movie after going shopping.
67. Tôi không phải đi cho đến ngày mai. – I don't have to go until tomorrow.

Các bài hát dân ca và quê hương

1. Trống cơm *Nhạc Dân ca*

Tình bằng có cái trống cơm
Khen ai khéo vỗ
Ồ mấy bông mà nên bông
Ồ mấy bông mà nên bông

Một đàn tang tình con xít
Một đàn tang tình con xít
Ồ mấy lội, lội, lội sông
Ồ mấy đi tìm, em nhớ thương ai
Đôi con mắt ố mấy lim dim
Đôi con mắt ố mấy lim dim

Một bày tang tình con nhện
Ô ô ô mấy giảng tơ
Giăng tơ ô mấy đi tìm, em nhớ thương ai
Duyên nợ khách tang bằng
Duyên nợ khách tang bằng..

2. Quê Hương *Lời thơ: Đỗ Trung Quân* *Sáng tác: Giáp Văn Thạch*

Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay
Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông

ĐK:

Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm

Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một Mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người

3. Cô Tấm ngày nay *Sáng tác: Ngọc Châu*

Quê hương chốn thanh bình có bầu trời xanh
thắm xanh.
Đồng lúa thẳng cánh cò bay lấp lánh cánh
diều mơ ước tuổi thơ.
Em ra chốn đô thành xa rời vòng tay mẹ yêu,
Từ nay giữa chốn phồn hoa xa rời cánh diều
mơ ước hôm nào.
Xa cánh diều mơ ước tuổi thơ, nhớ thương
những lời mẹ ru ánh trăng đêm rằm sáng
trong,
Mơ ước thành cô tấm ngày xưa sớm hôm
không ngại gian khó, tiếng chim oanh vàng
thiết tha .
Em ra chốn đô thành mong thành cô tấm
ngày nay từ nay giữa chốn phồn hoa lấp lánh
cánh diều mơ ước hôm nào

4. Nổi Vòng Tay Lớn *Sáng tác: Trịnh Công Sơn*

Rừng núi dang tay nổi lại biển xa
Ta đi vòng tay lớn mãi để nổi sơn hà
Mặt đất bao la anh em ta về gặp nhau
Mừng như bão cát quay cuồng trời rộng
Bàn tay ta nắm nổi tròn một vòng Việt Nam

Cờ nổi gió đêm vui nổi ngày
Dòng máu nổi con tim đồng loại
Dựng tinh người trong ngày mới
Thành phố nổi thôn xa vời vợi
Người chết nổi linh thiêng vào đời
Và nụ cười nổi trên môi

Từ Bắc vô Nam nổi liền nắm tay
Ta đi từ đồng hoang vu vượt hết núi đồi
Vượt thác cheo leo tay ta vượt đèo
Từ quê nghèo lên phố lớn

Nắm tay nổi liền
Biển xanh sông gấm nổi tròn một vòng tử sinh

Ghi chú: bài hát 1&2 cho cấp 2. Bài hát 3&4 cho cấp 3